

Bản án số: 37/2022/HS-ST
Ngày 04 - 8 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Dân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Thuận

2. Bà Bùi Thị Kim Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà H2g Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

- Đại D Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Đinh Kiên Quyết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2022/TLST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. **Phạm Thị Hồng D;** tên gọi khác: không; sinh ngày 17 tháng 10 năm 1979 tại xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Nơi cư trú: Tổ 4, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Phạm An K và bà Nguyễn Thị L (đều đã chết); có chồng Nguyễn Văn H (đã chết) và 02 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/12/2021 cho đến nay; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. **Lê Trung H;** tên gọi khác: không; sinh ngày 01 tháng 10 năm 1986 tại xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Nơi cư trú: Thôn M, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 08/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Quang H, sinh năm 1956 và bà Phạm Thị L (đã chết); có vợ Nguyễn Thị V và 01 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Năm 2010 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/12/2021 cho đến nay; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. **Mai Thị H1;** tên gọi khác: không; sinh ngày 10 tháng 8 năm 1983 tại xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Nơi cư trú: Thôn M, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Mai Xuân P, sinh năm 1959 và bà Trần Thị M, sinh năm 1961; có chồng Phạm Xuân B và 02 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Năm 2017 bị Công an huyện Tuyên Hóa, tỉnh

Quảng Bình xử phạt hành chính về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/12/2021 cho đến nay; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

4. **Trần Đình N**; tên gọi khác: Nhỏ; sinh ngày 20 tháng 3 năm 1992 tại xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Nơi cư trú: Thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Trần Đình L (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1952; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 12/5/2019 có hành vi “cố ý gây thương tích”; ngày 20/11/2019 phạm tội “tàng trữ trái phép chất ma túy” bị Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa xử phạt 5 năm tù tại bản án số 48/2019/HSST ngày 29/11/2019 hiện đang chấp hành hình phạt tù tại trạm giam Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Theo lệnh trích xuất bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

Chị Đinh Thị N2, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình: (có mặt)

Chị Nguyễn Thị Thúy H3, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước: (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình: (có mặt).

- *Người làm chứng:*

Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình: vắng mặt.

Chị Lê Thị Kim X, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình: vắng mặt.

Chị Đinh Thị Lý, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình: vắng mặt.

Ông Hà Văn Du, sinh năm 1962

Địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình: vắng mặt.

Anh Nguyễn Lý H, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình: vắng mặt.

Ông Lê Minh Lượng, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình: vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 5/2019, Phạm Thị Hồng D nghi ngờ chồng mình là anh Nguyễn Văn H4 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Nên D thông qua Mai Thị H1 xin số điện thoại của Lê Trung H để nhờ H đánh ghen giúp. Sau khi có số điện thoại của H, D gọi điện cho H và kể về chuyện tình cảm vợ chồng giữa D và anh H4. Đến ngày 11/5/2019, D biết được thông tin anh H4 về giỗ bố ở huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình và đưa theo người tình về cùng hiện đang ở

thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa. D sử dụng điện thoại số 0362818123 gọi đến số điện thoại 0857844681 cho Lê Trung H và nhờ H đánh dần mặt người tình của anh H4. Tiếp đó, D sử dụng tài khoản Facebook “Tài Linh” gửi hình ảnh người tình của chồng mình cho H qua tài khoản Facebook “Lê Trung H”. D nói H đến gặp Mai Thị H1 để lấy tiền đồ xăng, H đồng ý. Đến khoảng 20 giờ ngày 11/5/2019, H rủ Trần Đình N cùng đến nhà H1. Tại đây, H1 đưa cho H số tiền 500.000 đồng. Sau đó, H rủ N cùng đi đến thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa để đánh ghen nhưng do bận việc riêng nên N từ chối. Lúc này, có Phạm Thái H2g ở thôn M, xã P, huyện Tuyên Hóa đến nhà của H. H rủ H2g đi đến thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa chơi nhưng không nói cho H2g mục đích của mình, H2g đồng ý. Sau đó, H mượn xe mô tô mang biển kiểm soát 73D1-107.41 của N rồi chở H2g đến thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa nhưng khi đến đây, H không đi tìm người mà quay trở về nhà.

Khoảng 04 giờ ngày 12/5/2019, D điện thoại cho H thông báo anh H4 và người tình đang ở nhà của chị Đinh Thị N2 là em dâu của D ở thôn M, xã P, huyện Tuyên Hóa và bảo H đi tìm để đánh. H lấy 01 thanh kim loại dẹt, dài khoảng 30 cm, bề rộng khoảng 3,0 cm, dày khoảng 2,0 cm rồi cất giấu vào trong tay áo. H rủ Trần Đình N đi cùng, N đồng ý. Lúc này, H1 sử dụng điện thoại số 0382255444 gọi cho H để xác nhận việc H đi đánh ghen giúp cho D. H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 73D1-107.41 chở N đi theo đường Quốc lộ 12A, khi đến đoạn ngã ba đường giao nhau với đường đi vào chợ Minh Cầm thuộc thôn M, xã P, huyện Tuyên Hóa, H dừng xe đứng đợi. Một lúc sau, có xe khách đi đến, H bảo N chạy xe mô tô vào đường nhánh gần chợ Minh Cầm đứng đợi để đón đánh. Đến khoảng 04 giờ 50 phút cùng ngày, chị Đinh Thị N2 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 73D1-105.31 chở chị Nguyễn Thị Thúy H3 đi từ nhà ra hướng Quốc lộ 12A để chị H3 đón xe khách về quê. H nghĩ chị H3 và chị N2 là người mà D và H1 thuê đánh nên H chạy đến dùng thanh kim loại đã chuẩn bị trước đó đánh liên tục 3 đến 4 cái vào người chị H3. Chị H3 bỏ chạy, la hét. H tiếp tục dùng thanh kim loại đánh 2 đến 3 cái vào người chị N2. Chị N2 la hét, kêu cứu thì H bỏ chạy đến vị trí mà N đứng chờ rồi bảo N điều khiển xe mô tô chở H chạy về nhà theo đường nội thôn. Trên đường đi H đã vứt thanh kim loại ở ven đường.

Sáng ngày 12/5/2019, D và H1 gọi điện thoại thông báo cho H biết việc H đã đánh nhầm người. Sáng ngày 14/5/2019, D gọi điện thoại bảo H đến gặp H1 lấy thêm tiền tiêu xài. D điện thoại cho H1 và nhờ chuyển cho H số tiền 2.000.000 đồng, H1 đồng ý. Sau đó, H đến nhà H1 và lấy số tiền trên. Khoảng một tuần sau, D bảo H đến nhà H1 lấy thêm tiền và nhờ H1 đưa thêm cho H 2.500.000 đồng. Tổng cộng H đã nhận được số tiền là 5.000.000 đồng và sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi bị đánh, chị Đinh Thị N2 bị thương được mọi người đưa đi cấp cứu và điều trị tại bệnh viện Đa khoa huyện Tuyên Hóa, sau đó chuyển đến điều trị tại bệnh viện Hữu nghị Việt Nam – Cu Ba Đồng Hới. Ngày 16/5/2019, được chuyển đến bệnh viện Trung ương Huế điều trị, đến ngày 24/5/2019 thì ra viện. Chị Nguyễn Thị Thúy H3 được đưa đi cấp cứu tại bệnh viện Đa khoa huyện

Tuyên Hóa và chuyển đến bệnh viện Hữu nghị Việt Nam – Cu Ba Đồng Hới điều trị đến ngày 21/5/2019 thì ra viện.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 76/TgT ngày 18/7/2019, trung tâm Giám định y khoa - pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Quảng Bình kết luận đối với chị Đinh Thị N2: “Vết thương trán thái dương phải để lại sẹo kích thước 6x0,7cm; vết thương đỉnh thái dương trái để lại sẹo kích thước 5x0,8cm; Chấn thương sọ não: Xuất huyết dưới nhện bán cầu não trái, phù não hai bán cầu; đã điều trị nội khoa. Hiện tại ổn định, không có di chứng chức năng hệ thần kinh. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 23% (hai mươi ba phần trăm); Cơ chế hình thành vết thương: Các vết thương tích trên do vật tày gây nên”.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 289/2019/TgT ngày 01/10/2019, trung tâm Giám định y khoa - pháp y tỉnh Bình Phước kết luận: “Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại đối với chị Nguyễn Thị Thúy H3 là 05% (năm phần trăm), thương tích do vật tày gây nên”.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 149/TgT ngày 17/12/2021 của trung tâm Giám định y khoa – pháp y tỉnh Quảng Bình đối với vết thương của chị Đinh Thị N2: Vết thương trán thái dương phải để lại sẹo kích thước 6x0,7cm; vết thương đỉnh thái dương trái để lại sẹo kích thước 5x0,8cm; Chấn thương sọ não: Xuất huyết dưới nhện bán cầu não trái, phù não hai bán cầu; đã điều trị nội khoa. Hiện tại ổn định, không có di chứng chức năng hệ thần kinh; Tính chất thương tích: Các thương tích nêu trên không gây nguy hiểm cho tính mạng”.

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuyên Hóa đã tạm giữ:

- Một máy điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, số IMEI 359580055848822, bên trong có gắn thẻ sim 0382255444, máy đã cũ, bên trong không kiểm tra, đã được Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2020/HS-ST ngày 19/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

- Đối với thanh kim loại mà Lê Trung H đã dùng làm hung khí gây án, sau khi gây án H đã vứt ở ruộng lúa. Ngày 02/10/2019, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuyên Hóa đã tổ chức truy tìm vật chứng nhưng không có kết quả.

- Đối với xe mô tô biển kiểm soát 73D1-107.41 là phương tiện mà Lê Trung H và Trần Đình N sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội: Sau đó, N đã bán cho một người không rõ tên tuổi, địa chỉ nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuyên Hóa không có cơ sở để tạm giữ, xử lý.

- Đối với 01 (một) điện thoại NOKIA màu đen, bên trong gắn thẻ sim số 0362818123 mà Phạm Thị Hồng D sử dụng để liên lạc với Lê Trung H: Tháng 7/2019, Phạm Thị Hồng D đã vứt bỏ theo rác thải sinh hoạt của gia đình tại phường C, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuyên Hóa không có cơ sở để tạm giữ, xử lý.

- Đối với 01 (một) điện thoại SAMSUNG S7 màu vàng mà Phạm Thị Hồng D sử dụng để đăng nhập tài khoản Facebook “Tài Linh” sử dụng liên lạc với Lê

Trung H: Tháng 8/2019, D đã làm thất lạc tại chợ Trà Bá, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuyên Hóa không có cơ sở để tạm giữ, xử lý.

- Đối với 01 (một) điện thoại SAMSUNG màu đen, gắn thẻ sim số 0857844681 mà Lê Trung H sử dụng để liên lạc với Phạm Thị Hồng D và Mai Thị H1: Cuối tháng 6/2019, Lê Trung H đã bán chiếc điện thoại trên cho một người không rõ tên tuổi, địa chỉ tại xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuyên Hóa không có cơ sở để tạm giữ, xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Đinh Thị N2 yêu cầu các bị cáo có trách nhiệm bồi thường tổn hại về vật chất, sức khỏe và tinh thần với số tiền là 91.950.000 đồng, quá trình điều tra và xét xử phúc thẩm đã được các bị cáo bồi thường tổng số tiền 65.663.500 đồng. Chị N2 yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 26.286.500đ. Chị Nguyễn Thị Thúy H3 yêu cầu các bị cáo có trách nhiệm bồi thường tổn hại về vật chất, sức khỏe và tinh thần với số tiền 50.000.000 đồng.

Ngày 19/6/2020, Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa xét xử sơ thẩm vụ án tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2020/HSST. Do bị cáo H và N có kháng cáo nên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm tại Bản án hình sự phúc thẩm số: 100/2020/HS-PT ngày 17/9/2020. Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 13/2021/KN -HS ngày 07/9/2021 của Tòa án nhân dân Cấp Cao tại Đà Nẵng kháng nghị Bản án hình sự phúc thẩm số 100/2020/HS-PT ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình và bản án hình sự sơ thẩm số 18/2020/HS – ST ngày 19/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân Cấp Cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy hai cả hai bản án nói trên để điều tra, truy tố, xét xử lại đúng quy định của pháp luật. Tại quyết định số 46/2021/HS – GĐT ngày 25/9/2021 của Tòa án nhân dân Cấp Cao tại Đà Nẵng đã chấp nhận kháng nghị giám đốc thẩm số 13/2021/KN- HS ngày 07/9/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã hủy bản án hình sự phúc thẩm số 100/2020/HS – PT ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình và bản án hình sự sơ thẩm số 18/2020/HS – ST ngày 19/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình để điều tra, xét xử lại theo thủ tục chung theo hướng Lê Trung H phạm tội “Giết người” và Phạm Thị Hồng D là đồng phạm, Mai Thị H1, Trần Đình N là người giúp sức. Sau khi có Quyết định trả hồ sơ vụ án để điều tra lại số 01/QĐ-VKSTH ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình đã tiến hành làm rõ hành vi phạm tội của các bị cáo Phạm Thị Hồng D, Lê Trung H, Mai Thị H1 và Trần Đình N thì không đủ yếu tố để cấu thành tội “Giết người”.

Bản cáo trạng số 32/CT-VKSTH-HS ngày 03/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình đã truy tố các bị cáo Phạm Thị Hồng D, Lê Trung H, Mai Thị H1 và Trần Đình N về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại D Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình phát biểu ý kiến giữ nguyên quan điểm truy tố và luận tội, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Phạm Thị Hồng D từ 24 đến 30 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng kể từ ngày 19/6/2020.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Lê Trung H từ 21 đến 24 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (25/9/2019). Hiện nay bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Mai Thị H1 từ 18 đến 24 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng kể từ ngày 19/6/2020.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Trần Đình N từ 12 đến 15 tháng tù thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt 05 năm tù tại Bản án số 48/2019/HSST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình buộc bị cáo Trần Đình N phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 22/9/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các Điều 584; 585; 586 và Điều 590 Bộ luật Dân sự buộc:

- Phạm Thị Hồng D phải bồi thường cho chị Đinh Thị N2 số tiền: 2.737.500 đồng; bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thúy H3 số tiền 11.470.300 đồng. Tổng cộng số tiền phải bồi thường là: 14.207.800 đồng (mười bốn triệu hai trăm linh bảy nghìn tám trăm đồng).

- Lê Trung H phải bồi thường cho chị Đinh Thị N2 số tiền: 12.474.500 đồng; bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thúy H3 số tiền 11.470.300 đồng. Tổng cộng số tiền phải bồi thường là: 23.944.800 đồng (hai mươi bốn triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm đồng).

- Mai Thị H1 phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thúy H3 số tiền 11.470.300 đồng. Tổng cộng số tiền phải bồi thường là: 11.470.300 đồng (mười một triệu bốn trăm bảy mươi nghìn ba trăm đồng).

- Trần Đình N phải bồi thường cho chị Đinh Thị N2 số tiền: 11.074.500 đồng; bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thúy H3 số tiền 11.470.300 đồng. Tổng

cộng số tiền phải bồi thường là: 22.544.800 đồng (hai mươi hai triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm đồng).

Về xử lý vật chứng: Số vật chứng đã thu giữ đã được cơ quan Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình xử lý xong theo bản án hình sự sơ thẩm số 18/2020/HS – ST ngày 19/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa và bản án hình sự phúc thẩm số 100/2020/HS-PT ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đề nghị không xem xét.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nội dung khai báo của các bị cáo tại phiên tòa H2 toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, không có tình tiết mới. Các bị cáo nhất trí với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc KH nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hội đồng xét xử xét thấy các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận: Phạm Thị Hồng D vì ghen tuông mù quáng và nghi ngờ chồng mình là Nguyễn Văn H4 có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác và cho rằng chồng mình dẫn người tình về quê dịp giỗ bố ở huyện Tuyên Hóa. Ngày 11/5/2019 Phạm Thị Hồng D đã gọi điện liên lạc với Lê Trung H và thuê Lê Trung H tìm người tình của chồng để đánh, mục đích là để dằn mặt người tình của chồng, được H đồng ý nên D nhờ Mai Thị H1 (là chị dâu của D) ở quê đưa tiền trả công cho Lê Trung H. Sau đó H đã rủ Trần Đình N cùng tham gia tìm người để đánh và đã H2 thành việc đánh người theo yêu cầu của D. Nhưng do không xác định được chính xác người cần đánh và do ban đêm trời tối nên Lê Trung H đã đánh nhầm người là chị Đình Thị N2 và chị Nguyễn Thị Thuý H3 gây nên thương tích cho chị Đình Thị N2 là 23% và gây nên thương tích cho chị Nguyễn Thị Thuý H3 là 5%.

Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, những người làm chứng, các kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại

phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn D chứng cứ, tài liệu về thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm và hung khí gây án; ý kiến của Kiểm sát viên. Các bị cáo H, N đã dùng hung khí nguy hiểm là thanh kim loại đánh liên tiếp nhiều nhát vào phần đầu là phần trọng yếu của cơ thể của chị N2, chị H3 gây ra thương tích. Tuy nhiên khi thực hiện hành vi phạm tội, ý thức của bị cáo H, N chỉ nhằm mục đích đánh dần mặt gây thương tích, gây tổn hại sức khỏe cho các bị hại mà không nhằm mục đích tước đoạt đi tính mạng của các bị hại; hành vi của H, N phù hợp với việc bị cáo D gọi điện thuê là đánh dần mặt để đánh ghen. Hành vi của các bị cáo gây thương tích, tổn hại sức khỏe của người khác tỷ lệ 11% đến 30% và thuộc trường hợp thuê gây thương tích, gây thương tích cho người khác do được thuê. Đây là tình tiết định khung tăng nặng được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó có đủ cơ sở khẳng định các bị cáo Phạm Thị Hồng D, Lê Trung H, Mai Thị H1 và Trần Đình N phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đúng như Bản cáo trạng đã truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình và lời phát biểu kết luận vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến sức khỏe của chị Đinh Thị N2 và chị Nguyễn Thị Thuý H3, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Làm mất trật tự trị an trên địa bàn, gây tâm lý bất bình, phần nộ trong quần chúng nhân dân. Vì vậy bản án hình sự sơ thẩm số 18/2020/HS – ST ngày 19/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình và bản án Hình sự phúc thẩm số 100/2020/HS – PT ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã đánh giá đúng tính chất mức độ, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hậu quả hành vi phạm tội, nhân thân và vai trò của từng bị cáo và mức hình phạt cụ thể đối với từng bị cáo Hội đồng xét xử thấy phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần giữ nguyên mức hình đối với các bị cáo.

[3] Về vật chứng vụ án: Đã được cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình ra quyết định xử lý vật chứng theo Bản án hình sự phúc thẩm số 100/2020/HS-PT ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình và bản án hình sự sơ thẩm số 18/2020/HS – ST ngày 19/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình vì vậy phân vật chứng của vụ án đã được xử lý xong và các bị cáo không có ý kiến gì vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét. Ngoài ra trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã được làm rõ Phạm Thị Hồng D thông qua Mai Thị H1 để thuê Lê Trung H đánh dần mặt chị Đinh Thị N2 và chị Nguyễn Thị Thuý H3 số tiền mà H đã nhận tại chị H1 nhiều lần với tổng số tiền là 5.000.000đ đây là khoản tiền thu lợi bất chính nên áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, điểm b, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự buộc Lê Trung H phải nộp lại số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Đinh Thị N2 yêu cầu các bị cáo có trách nhiệm bồi thường tổn hại về vật chất, sức khỏe và tinh thần với số tiền là 91.950.000 đồng như quyết định của bản án Hình sự phúc thẩm. Quá trình điều tra các bị cáo đã liên đới bồi thường theo phần cho chị N2 là 65.663.500 đồng, trong

đó Mai Thị H1 đã nộp đủ. Số tiền còn lại là 26.286.500đ chị Đinh Thị N2 yêu cầu các bị cáo phải nộp tiếp phần còn lại của mình cụ thể: Phạm Thị Hồng D phải bồi thường tiếp cho cho chị Đinh Thị N2 số tiền còn lại là 2.737.500; Lê Trung H phải bồi thường tiếp cho cho chị Đinh Thị N2 số tiền còn lại là 12.474.500; Trần Đình N phải bồi thường tiếp cho cho chị Đinh Thị N2 số tiền còn lại là 11.074.500đ.

Phần bồi thường của chị Nguyễn Thị Thúy H3 yêu cầu các bị cáo có trách nhiệm bồi thường tổn hại về vật chất, sức khỏe và tinh thần với số tiền 50.000.000 đồng. Trong đó bao gồm các khoản sau:

- * Có chứng từ, hóa đơn cụ thể: PH mua thuốc ngày 21/5/2019 số tiền 72.000 đồng; hóa đơn bán hàng mẫu số 02GTTT2/001 số 0012253 thanh toán viện phí, dịch vụ của bệnh viện tỉnh Bình Phước với số tiền 536.000 đồng; hóa đơn bán hàng mẫu số 02GTTT0/001 số 0002107 tiền viện phí thuốc, vật tư với số tiền 394.200 đồng; hóa đơn bán hàng mẫu số 02GTTT0/001 số 0045456 thanh toán tiền viện phí với số tiền 4.448.968 đồng; tiền thuê xe chở bệnh nhân từ bệnh viện đa khoa Tuyên Hóa đến bệnh viện Hữu nghị Việt Nam – Cu ba Đồng Hới 1.000.000 đồng có giấy xác nhận.

- * Không có chứng từ: Tiền mua dụng cụ thực phẩm bổ sung chức năng 4.118.832 đồng.

- * Ngoài ra chị H3 yêu cầu bồi thường: Tiền của người nuôi bệnh nhân trong 9 ngày là 1.800.000 đồng; chi phí thiệt hại của bệnh nhân trong 02 tháng không thể đi làm việc là 14.000.000 đồng; chi phí tổn thương về tinh thần 17 lần mức lương cơ bản là 23.630.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy các khoản chi phí của chị H3 yêu cầu là phù hợp và có hóa đơn chứng từ kèm theo. Riêng khoản tiền mua dụng cụ thực phẩm bổ sung chức năng 4.118.832 đồng không có hóa đơn nên không có căn cứ để xem xét vì vậy không chấp nhận. Tổng số tiền mà chị H3 yêu cầu bồi thường được chấp nhận là 45.881.168 đồng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo chưa bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thúy H3 đồng nào. Vì vậy các bị cáo phải bồi thường cho chị H3 mỗi bị cáo là 11.470.300 đồng. Vì vậy cần áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các Điều 584; 585; 586 và Điều 590 Bộ luật Dân sự buộc: Phạm Thị Hồng D phải bồi thường tổng số tiền là: 14.207.800đ (trong đó bồi thường cho chị Đinh Thị N2: 2.737.500; bồi thường cho cho chị Nguyễn Thị Thúy H3 11.470.300đ). Lê Trung H tổng số tiền phải bồi thường là 23.944.800đ (trong đó bồi thường cho chị N2 12.474.500đ, bồi thường cho chị H3 11.470.300đ). Mai Thị H1 bồi thường cho chị H3 tổng số tiền 11.470.300đ; Trần Đình N tổng số tiền phải bồi thường là 22.544.800đ (trong đó bồi thường cho chị N2 11.074.500đ, bồi thường cho chị H3 11.470.300đ)

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Phạm Thị Hồng D, Lê Trung H, Mai Thị H1, Trần

Đình N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 5% án phí dân sự có giá ngạch của số tiền phải bồi thường theo phần.

Tại Công văn số 58/CV-CCTHSDS ngày 18/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình thì các bị cáo H, H1, N đã nộp đủ khoản án phí Hình sự sơ thẩm nên được khấu trừ, Như vậy các bị cáo đã nộp đủ khoản án phí Hình sự sơ thẩm. Khoản án phí dân sự những người đã nộp cũng được khấu trừ. Riêng Phạm Thị Hồng D cơ quan thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa đã ủy thác cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố PLEIKU tỉnh Gia Lai nhưng D chưa nộp khoản án phí Hình sự sơ thẩm và án phí dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Thị Hồng D, Lê Trung H, Mai Thị H1 và Trần Đình N phạm tội: “Cố ý gây thương tích” .

1. Về hình phạt: -Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Phạm Thị Hồng D 24 (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/6/2020 (ngày xét xử sơ thẩm tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 18/2020/HS-ST ngày 19/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình. Như vậy, bị cáo D đã chấp hành xong hình phạt tù treo, thời gian thử thách còn lại là 22 tháng 15 ngày (theo quyết định thi hành án phạt tù cho hưởng án treo số 205/2020/QĐ – CA ngày 12/10/2020 của chánh án Tòa án nhân dân thành phố PLEIKU tỉnh Gia Lai)

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Mai Thị H1 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/6/2020 (ngày xét xử sơ thẩm tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 18/2020/HS-ST ngày 19/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình. Như vậy, bị cáo H1 đã chấp hành xong hình phạt tù treo, thời gian thử thách còn lại là 10 tháng 15 ngày (theo quyết định thi hành án hình phạt tù cho hưởng án treo số 48/2020/QĐ – CA ngày 30/9/2020 của chánh án Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình)

Giao bị cáo Phạm Thị Hồng D về cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Pleicu tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; giao bị cáo Mai Thị H1 về cho Ủy ban nhân dân xã Phong Hoá, huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lê Trung H 21 (hai mươi một) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 25/9/2019). Theo quyết định thi hành án hình sự số 47/2020/QĐ – CA ngày 30/9/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình. (Ngày 29/4/2021 Lê Trung H đã chấp hành xong hình phạt tù, theo giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù số 407/GCN ngày 29/4/2021 của cục C10 trại giam Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình)

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38 điểm b, s, r, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Trần Đình N 13 (mười ba) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt 05 năm tù tại Bản án số 48/2019/HSST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình buộc bị cáo Trần Đình N phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 06 (sáu) năm 01 (một) tháng tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 22/9/2019. (Theo quyết định thi hành án phạt tù số 49/2020/QĐ – CA ngày 30/9/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình. Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại cục C10 trại giam Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình)

2. Vật chứng vụ án: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, điểm b, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự buộc Lê Trung H phải nộp lại số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) do thu lợi bất chính để nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các Điều 584; 585; 586 và Điều 590 Bộ luật Dân sự buộc:

- Phạm Thị Hồng D phải bồi thường tổng số tiền là: 14.207.800đ (trong đó bồi thường cho chị Đinh Thị N2: 2.737.500; bồi thường cho cho chị Nguyễn Thị Thúy H3 11.470.300đ).

- Lê Trung H tổng số tiền phải bồi thường là 23.944.800đ (trong đó bồi thường cho chị N2 12.474.500đ, bồi thường cho chị H3 11.470.300đ).

- Mai Thị H1 bồi thường cho chị H3 tổng số tiền 11.470.300đ;

- Trần Đình N tổng số tiền phải bồi thường là 22.544.800đ (trong đó bồi thường cho chị N2 11.074.500đ, bồi thường cho chị H3 11.470.300đ)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi, theo lãi suất được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc:

- Phạm Thị Hồng D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 710.390 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

- Lê Trung H phải chịu 1.197.240đ án phí dân sự có giá ngạch được trừ đi 653.725đ án phí dân sự đã nộp trước (theo công văn số 58/CV/CC – THADS ngày 18/02/2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình) số tiền án phí dân sự có giá ngạch còn lại Lê Trung H phải nộp tiếp là: 543.515đ

- Mai Thị H1 phải chịu 573.515đ đồng án phí dân sự có giá ngạch.

- Trần Đình N phải chịu là 1.127.240đ án phí dân sự có giá ngạch được trừ số tiền án phí dân sự đã nộp trước là 653.725đ (theo công văn số 58/CV/CC – THADS ngày 18/02/2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình) số tiền án phí dân sự có giá ngạch còn lại Trần Đình N phải nộp tiếp là 473.515 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, các bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tuyên bố những người có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 04/8/2022) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử theo trình tự phúc thẩm.

(đã giải thích chế định án treo)

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Tuyên Hóa;
- Công an Tuyên Hóa;
- TAND tỉnh QB;
- Chi cục THADS Tuyên Hóa;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Thanh Dân